

Số: 28 /DMCN-TCHC  
V/v Công bố thông tin

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2020

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên Công ty: Công ty cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC-Miền Bắc
2. Mã chứng khoán: PCN
3. Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Tế Xuyên, xã Đình Xuyên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.
4. Điện thoại: (024) 38271483 Fax: (024) 38780902
5. Người thực hiện công bố thông tin: Ông Nguyễn Tiến Dũng – Trưởng phòng Tổ chức Hành chính (theo Giấy ủy quyền thực hiện công bố thông tin số 362/DMCN-TCHC ngày 06/9/2018 của Giám đốc Công ty).

6. Nội dung của thông tin công bố:

Báo cáo tài chính năm 2019 đã kiểm toán của Công ty cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC-Miền Bắc được lập ngày 25/3/2020, bao gồm: BCKDT, BCKQKD, BCLCTT, TMBCTC.

7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính [www.pvdmcn.com.vn](http://www.pvdmcn.com.vn)

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Trân trọng!

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Công bố thông tin:  
UBCKNN, HNX, Website;  
([www.pvdmcn.com.vn](http://www.pvdmcn.com.vn))
- Tổng Giám đốc (để b/c);
- Lưu: VT.

**NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN  
TRƯỞNG PHÒNG TCHC**



**Nguyễn Tiến Dũng**

Số: 27/DMCN -TCKT  
V/v Giải trình biến động lợi nhuận  
BCTC năm 2019

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2020

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước;  
Sở giao dịch chứng khoán Hà nội.

Công ty Cổ phần Hóa phẩm dầu khí DMC - Miền Bắc (mã chứng khoán PCN) xin giải trình biến động lợi nhuận sau thuế năm 2019 bị lỗ do các nguyên nhân chính sau:

Năm 2019, do nhu cầu tiêu thụ các sản phẩm của khách hàng trong ngành Dầu khí giảm nên doanh thu giảm. Lượng hàng tồn kho tiêu thụ chậm, công ty chỉ sản xuất các sản phẩm cầm chừng nên bị lỗ các chi phí cố định (khấu hao tài sản, tiền thuê đất, tiền thuê đất, lương, bảo hiểm xã hội, ....).

Do công ty vẫn phải trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi, trích các chi phí trả trước ... dẫn đến chi phí tăng.

Trên đây là giải trình của Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC – Miền Bắc về biến động lợi nhuận sau thuế năm 2019 bị lỗ, xin báo cáo quý cơ quan được biết.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên,
- Lưu VP, TCKT.



Phạm Anh Tuấn



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019*

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA PHẨM DẦU KHÍ DMC -  
MIỀN BẮC**

**AISC**

ACCOMPANY WITH BUSINESS

## MỤC LỤC

---- oOo ----

---

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 02
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05 - 06
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	07
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	08
6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	09 - 32

---

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Ban Tổng Giám đốc trân trọng đề trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

### 1. Thông tin chung về Công ty

#### Thành lập

Công ty Cổ phần Hóa phẩm dầu khí DMC - Miền Bắc (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là công ty TNHH MTV Hóa phẩm dầu khí DMC - Miền Bắc, được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0102631910 ngày 24 tháng 01 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, thay đổi lần thứ 11 ngày 30 tháng 7 năm 2019. Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới nhất, tổng số vốn điều lệ của Công ty là 40.000.000.000 đồng.

Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm 31/12/2019 theo Giấy đăng ký doanh nghiệp là: 40.000.000.000 đồng (Bốn mươi tỷ đồng).

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần 873 - Xây dựng công trình giao thông.

#### Hoạt động kinh doanh của Công ty

Trong năm tài chính 2019 là sản xuất, bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan.

**Trụ sở chính:** Thôn Tế Xuyên, xã Đình Xuyên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

### 2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động:

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm 2019 của Công ty được trình bày trong các báo cáo tài chính đính kèm.

### 3. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng thành viên; Ban Kiểm soát; Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính này bao gồm:

#### Hội đồng quản trị:

Ông	Nghiêm Phú Sơn	Chủ tịch	(Bổ nhiệm ngày 06/01/2020)
		Thành viên	(Từ ngày 16/01/2019 đến 06/01/2020)
Ông	Nguyễn Công Dũng	Chủ tịch	(Từ ngày 16/10/2019 đến ngày 06/01/2020)
Bà	Nguyễn Thị Vân Anh	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 16/01/2019)
Ông	Nguyễn Minh Hải	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 01/01/2019)
Ông	Vũ Đức Thọ	Chủ tịch	(Miễn nhiệm ngày 16/10/2019)

#### Ban kiểm soát

Ông	Đào Đình Quyền	Trưởng Ban kiểm soát	(Từ ngày 16/01/2019 đến 02/5/2019)
Bà	Trần Thị Hiền	Trưởng Ban kiểm soát	(Bổ nhiệm ngày 02/5/2019)
Bà	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 01/01/2019)
Bà	Cung Thị Thanh Hải	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 01/01/2019)
Bà	Phùng Thị Loan	Trưởng Ban kiểm soát	(Miễn nhiệm ngày 16/01/2019)
Bà	Đào Thị Minh Thùy	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 01/01/2019)
Bà	Trần Thị Hà	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 01/01/2019)

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

### Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông	Phạm Anh Tuấn	Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 08/07/2019)
Ông	Nghiêm Phú Sơn	Tổng Giám đốc	(Từ ngày 17/4/2019 đến ngày 08/7/2019)
Ông	Nguyễn Công Dũng	Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 17/4/2019)
Ông	Lê Văn Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	
Ông	Đào Đình Quyền	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 02/5/2019

#### 4. Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học Tp. HCM (“AISC”) được chỉ định là kiểm toán viên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

#### 5. Cam kết của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc công ty đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Tổng Giám đốc công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

#### 6. Xác nhận

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2020

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Phạm Anh Tuấn

Tổng Giám đốc



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM**  
Auditing And Informatic Services Company Limited

Office: 389A Điện Biên Phủ, Phường 4, Quận 3, TP.Hồ Chí Minh  
Tel: (84.28) 3832 9129 (10 Lines) Fax: (84.28) 3834 2957  
Email: info@aisc.com.vn Website: www.aisc.com.vn

Số: B-0120068-R/AISHN-TC

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi :**

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA PHẨM DẦU KHÍ DMC - MIỀN BẮC**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Bắc (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 25/03/2020, từ trang 05 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập, trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập, trình bày Báo cáo tài chính; chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Branch in Ha Noi : 6 Floor, 36 Hoa Binh 4 Street, Minh Khai Ward, Hai Ba Trung Dist.,  
Ha Noi City

Branch in Da Nang : 350 Hai Phong St., Thanh Khe Dist., Da Nang City

Representative in Can Tho: P9019 - A 200 Nguyen Hien St., Ninh Kieu Dist., Can Tho City

Representative in Hai Phong : 18 Hoang Van Thu St., Hong Bang Dist., Hai Phong

Tel : (84.24) 3782 0045

Tel : (84.236) 3747 619

Tel : (84.28) 3832 9129

Tel : (84.24) 3782 0045

Fax : (84.24) 3782 0048

Fax : (84.236) 3747 620

Fax : (84.28) 3834 2957

Fax : (84.24) 3782 0048

Email: hanoi@aisc.com.vn

Email: danang@aisc.com.vn

Email: cantho@aisc.com.vn

Email: haiphong@aisc.com.vn

11-00,  
NHÂN  
TY T  
TO  
VỤ T  
CHÍ  
LƯNG  
631  
IG T  
PHÁT  
M D  
ÊN B  
TP. P

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Bắc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 được Công ty Kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần tại ngày 20 tháng 3 năm 2019.

### **Vấn đề cần nhấn mạnh**

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến thuyết minh số VIII.4

*Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2020*

**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN  
VÀ DỊCH VỤ TÍN HỌC TP HỒ CHÍ MINH**

**GIÁM ĐỐC**



**PHẠM XUÂN SƠN**

Số giấy CNĐKHNKT: 1450-2019-005-1

*Bộ Tài chính Việt Nam cấp*

**KIỂM TOÁN VIÊN**

**VŨ KHẮC CHUYỀN**

Số giấy CNĐKHNKT: 0160-2018-005-1

*Bộ Tài chính Việt Nam cấp*



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>20.865.762.037</b>	<b>17.797.528.662</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>248.788.945</b>	<b>684.662.939</b>
1. Tiền	111		248.788.945	684.662.939
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>3.502.808.982</b>	<b>5.271.683.034</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2a	4.200.553.164	5.578.912.027
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	403.253.650	163.234.300
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	1.250.000.000	1.450.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	513.490.240	475.197.091
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.2b	(2.928.634.202)	(2.664.300.013)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.6	64.146.130	268.639.629
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>9.288.141.842</b>	<b>11.414.574.679</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.7	10.097.165.480	12.246.203.482
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(809.023.638)	(831.628.803)
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>7.826.022.268</b>	<b>426.608.010</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	0	75.002.512
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		0	239.731.884
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	7.826.022.268	111.873.614
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>3.757.623.752</b>	<b>5.676.576.596</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.431.657.450</b>	<b>2.110.148.967</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8a	1.431.657.450	2.104.398.986
- Nguyên giá	222		37.008.667.024	36.940.667.024
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(35.577.009.574)	(34.836.268.038)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.8b	0	5.749.981
- Nguyên giá	228		148.984.800	148.984.800
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(148.984.800)	(143.234.819)
<b>II. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.325.966.302</b>	<b>3.566.427.629</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	2.325.966.302	3.566.427.629
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>24.623.385.789</b>	<b>23.474.105.258</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>13.317.971.553</b>	<b>4.462.290.339</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>13.317.971.553</b>	<b>4.462.290.339</b>
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.10	1.702.846.909	1.296.051.283
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	47.018.580	125.545.140
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	9.371.168	122.400
4. Phải trả người lao động	314		249.752.637	0
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	263.007.851	451.947.474
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		40.440.000	0
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	11.005.160.028	2.564.856.197
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		0	23.393.465
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		374.380	374.380
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>11.305.414.236</b>	<b>19.011.814.919</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.15</b>	<b>11.305.414.236</b>	<b>19.011.814.919</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		39.245.500.000	39.245.500.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		39.245.500.000	39.245.500.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.502.539.510	1.502.539.510
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(29.442.625.274)	(21.736.224.591)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối kỳ trước	421a		(21.736.224.591)	(13.246.266.878)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		(7.706.400.683)	(8.489.957.713)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>24.623.385.789</b>	<b>23.474.105.258</b>

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Thị Thanh Thủy

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Đào Đình Quyền

TỔNG GIÁM ĐỐC



Phạm Anh Tuấn

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	14.253.492.091	25.468.508.539
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	33.489.520
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.2	14.253.492.091	25.435.019.019
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	13.920.914.348	25.360.223.511
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b> (20 = 10 - 11)	<b>20</b>		<b>332.577.743</b>	<b>74.795.508</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	5.680.185	38.315.777
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	0	525.117
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		0	0
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6a	958.444.331	3.137.200.983
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6b	6.713.971.146	5.455.038.728
<b>10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b> (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	<b>30</b>		<b>(7.334.157.549)</b>	<b>(8.479.653.543)</b>
11. Thu nhập khác	31	VI.7a	6.310.000	495.830
12. Chi phí khác	32	VI.7b	378.553.134	10.800.000
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>(372.243.134)</b>	<b>(10.304.170)</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b> (50 = 30 + 40)	<b>50</b>		<b>(7.706.400.683)</b>	<b>(8.489.957.713)</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	0	0
<b>16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b> (60 = 50 - 51 - 52)	<b>60</b>		<b>(7.706.400.683)</b>	<b>(8.489.957.713)</b>
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	(1.964)	(2.163)
18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	(1.964)	(2.163)

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Thị Thanh Thủy

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Đào Đình Quyền

TỔNG GIÁM ĐỐC



Phạm Anh Tuấn

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Mẫu số B 03 - DN

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2019	Năm 2018
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	01	(7.706.400.683)	(8.489.957.713)
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản :</b>			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	746.491.517	909.048.852
- Các khoản dự phòng	03	218.335.559	68.955.924
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(301.841)	0
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(5.378.344)	(38.315.777)
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>(6.747.253.792)</b>	<b>(7.550.268.714)</b>
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09	(6.169.876.907)	(442.204.031)
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10	2.149.038.002	11.970.374.668
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	8.879.074.679	186.200.727
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12	1.315.463.839	(3.233.100.390)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	0	(1.600.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(573.554.179)</b>	<b>929.402.260</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(68.000.000)	0
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	0	(1.450.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	200.000.000	0
4. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.378.344	38.315.777
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>137.378.344</b>	<b>(1.411.684.223)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+ 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>(436.175.835)</b>	<b>(482.281.963)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm/kỳ</b>	<b>60</b>	<b>684.662.939</b>	<b>1.166.944.902</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	301.841	0
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>248.788.945</b>	<b>684.662.939</b>

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC






Nguyễn Thị Thanh Thủy

Đào Đình Quyền

Phạm Anh Tuấn

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1. Thành lập:**

Công ty Cổ phần Hóa phẩm dầu khí DMC - Miền Bắc (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là công ty TNHH MTV Hóa phẩm dầu khí DMC - Miền Bắc, được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0102631910 ngày 24 tháng 01 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, thay đổi lần thứ 11 ngày 30 tháng 7 năm 2019. Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới nhất, tổng số vốn điều lệ của Công ty là 40.000.000.000 đồng.

Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm 31/12/2019 theo Giấy đăng ký doanh nghiệp là: 40.000.000.000 đồng (Bốn mươi tỷ đồng).

**Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty cổ phần.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần 873 - Xây dựng công trình giao thông.

Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 11 ngày 30/07/2019 với số vốn điều lệ 40.000.000.000 đồng tương đương với 4.000.000 cổ phiếu. Trong đó:

Công ty Cổ phần 873 - Xây dựng công trình giao thông nắm giữ 3.324.500 cổ phần, tương ứng với 33.245.000.000 đồng, chiếm 84,71% vốn điều lệ.

Các cổ đông khác nắm giữ 600.050 cổ phần, tương ứng với 6.000.500.000 đồng, chiếm 15,29% vốn điều lệ

**2. Lĩnh vực kinh doanh:**

Trong năm tài chính 2019 là sản xuất, bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan.

Trụ sở chính: Thôn Tế Xuyên, xã Đình Xuyên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

**3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính**

Không có

**5. Tổng số nhân viên đến ngày 31 tháng 12 năm 2019: 36 nhân viên.**

(Ngày 31 tháng 12 năm 2018: 72 nhân viên)

**6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

**II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****1. Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng để ghi sổ kế toán là đồng Việt Nam (đồng).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán.**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo cáo tài chính".

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

**2. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính****Nguyên tắc kế toán đối với các khoản cho vay**

Các khoản cho vay là các khoản cho vay bằng khế ước, hợp đồng, thỏa thuận vay giữa 2 bên với mục đích thu lãi hàng kỳ và được ghi nhận theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào mức ước tính cho phần giá trị bị tổn thất đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách vay không có khả năng thanh toán.

**3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

**Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu:** theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải thu.

**Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi:** dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán vì lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn...

**4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

**Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:** Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất.

**Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:** Theo phương pháp bình quân gia quyền.

**Hạch toán hàng tồn kho:** Phương pháp kê khai thường xuyên.

**5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)****5.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**5.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình (tiếp theo)**

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

*Tài sản cố định hữu hình mua sắm*

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

**5.2 Phương pháp khấu hao TSCĐ**

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

*Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:*

<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	6 - 25 năm
<i>Phương tiện vận tải</i>	6 - 8 năm
<i>Máy móc thiết bị, thiết bị văn phòng</i>	5- 12 năm
<i>Phần mềm kế toán</i>	3 - 8 năm

**6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước bao gồm lợi thế quyền thuê đất, chi phí thẩm định dự án và chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ trên 12 tháng.

**7. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

**8. Nguyên tắc ghi nhận vay**

Giá trị các khoản vay được ghi nhận là tổng số tiền đi vay của các ngân hàng, tổ chức, công ty tài chính và các đối tượng khác (không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai).

Các khoản vay được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay:** lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp được ghi nhận như khoản chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định tại chuẩn mực kế toán số 16 " Chi phí đi vay".

**10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm chi phí kiểm toán Báo cáo tài chính và chi phí lãi vay phải trả đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả. Các chi phí này được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả theo các hợp đồng, thỏa thuận,...

**11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu****Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu do các thành viên góp vốn, hoặc được bổ sung từ lợi nhuận sau thuế của hoạt động kinh doanh. Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế chủ sở hữu đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

**Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối**

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty và thông qua quyết định của Hội đồng thành viên hàng năm.

**12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác****Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp trả lại dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác); 4. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
2. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

1-00  
HÀM  
T.Y.T.  
T.C.  
/U.T.  
CHI  
/NG.  
19  
T.Y.  
N  
U  
BẮC  
H



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác (tiếp theo)**

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi tiền gửi ngân hàng, tiền lãi bán hàng trả chậm, trả góp và các hoạt động doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

**13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của dịch vụ. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp.

**14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

**Chi phí tài chính là khoản chi phí đi vay vốn.**

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

**15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

**16. Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu****Tài sản tài chính**

Theo thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**16. Công cụ tài chính (tiếp theo)****Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác và vay.

**Giá trị sau ghi nhận lần đầu**

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

**17. Các bên liên quan**

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Giám đốc, Hội đồng thành viên, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

**18. Nguyên tắc trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận**

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

**19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của công ty trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại (tiếp theo)**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm và hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước. Công ty không phản ánh vào tài khoản này tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

**20. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**

Thuế giá trị gia tăng: Công ty đăng ký nộp thuế theo phương pháp khấu trừ.

Các loại thuế, phí khác được thực hiện theo quy định về thuế, phí hiện hành của Nhà nước.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Nguyên tệ	đồng	Nguyên tệ	đồng
<b>Tiền</b>	<b>704,98</b>	<b>248.788.945</b>	<b>5.871,00</b>	<b>684.662.939</b>
<b>Tiền mặt</b>		<b>166.891.039</b>		<b>42.402.760</b>
Việt Nam đồng		166.891.039		42.402.760
<b>Tiền gửi ngân hàng</b>	<b>704,98</b>	<b>81.897.906</b>	<b>5.871,00</b>	<b>642.260.179</b>
Tiền gửi ngân hàng Việt Nam đồng		65.609.343		511.350.313
Tiền gửi ngoại tệ	704,98	16.288.563	5.871,00	130.909.866
<b>Cộng</b>	<b>704,98</b>	<b>248.788.945</b>	<b>5.871,00</b>	<b>684.662.939</b>

**2. Phải thu của khách hàng**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>4.200.553.164</b>	<b>2.765.399.902</b>	<b>5.578.912.027</b>	<b>2.501.065.7.13</b>
Công ty Cổ phần Thạch Anh Việt Nam	842.273.205	252.681.962	1.342.273.205	223.079.881
Công ty Cổ phần Phụ tùng máy số 1	0	0	508.530.000	0
Công ty TNHH Đầu tư và sản xuất An Phát	388.580.000	388.580.000	388.580.000	388.580.000
CTy Cổ phần Xây dựng số 12 Thăng Long	316.800.000	316.800.000	316.800.000	316.800.000
Cty TNHH Đầu tư Quang Trung	284.408.948	284.408.948	284.408.948	284.408.948
Công ty cổ phần Cầu 14	234.310.000	234.310.000	234.310.000	234.310.000
Khách hàng khác	2.134.181.011	1.288.618.992	2.504.009.874	1.053.886.8.84
<b>Cộng</b>	<b>4.200.553.164</b>	<b>2.765.399.902</b>	<b>5.578.912.027</b>	<b>2.501.065.7.13</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

b. Nợ xấu	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<b>Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán trên 3 năm</b>	<b>2.295.685.381</b>	<b>0</b>	<b>2.305.420.381</b>	<b>0</b>
Công ty TNHH Đầu tư và sản xuất An Phát	388.580.000	0	388.580.000	0
Công ty Cổ phần Xây dựng số 12 Thăng Long	316.800.000	0	316.800.000	0
Công ty TNHH đầu tư Quang Trung	284.408.948	0	284.408.948	0
Công ty Cầu 14	234.310.000	0	234.310.000	0
Lê Văn Tài	138.627.290	0	138.627.290	0
Các đối tượng khác	932.959.143	0	942.694.143	0
<b>Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán từ 2 năm đến dưới 3 năm</b>	<b>55.428.002</b>	<b>16.628.401</b>	<b>10.265.000</b>	<b>3.079.500</b>
Công ty Cổ phần công trình 793	35.950.000	10.785.000	0	0
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Trường Phát Hà nội	9.478.002	2.843.401	0	0
Đoàn địa chất 117-LĐ địa chất Đông Bắc	10.000.000	3.000.000	0	0
Công ty Cổ phần Kỹ nghệ khoan và Địa chất Việt Nam	0	0	10.265.000	3.079.500
<b>Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán từ 1 năm đến dưới 2 năm</b>	<b>678.674.516</b>	<b>339.337.258</b>	<b>29.878.002</b>	<b>14.939.001</b>
Công ty Cổ phần Xây dựng và Xử lý nền móng Quân Vương	79.120.000	39.560.000	0	0
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng nền móng Chương Dương	193.800.000	96.900.000	0	0
Công ty Cổ phần công trình 793	69.100.000	34.550.000	0	0
Công ty TNHH Tư vấn đầu tư xây dựng Thiên Phúc Việt Nam	74.010.000	37.005.000	0	0

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán từ 2 năm đến dưới 3 năm (tiếp theo)**

Đoàn địa chất 117 - LĐ địa chất Đông Bắc	0	0	10.000.000	5.000.000
Công ty CPSX và TM Nam Trường Phát	0	0	9.478.002	4.739.001
Công ty Cổ phần Xây dựng và Xử lý nền móng Công trình Hà Nội	0	0	10.400.000	5.200.000
Các đối tượng khác	262.644.516	131.322.258	0	0

**Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán từ 6 tháng năm đến dưới 1 năm**

Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ kỹ thuật	880.000	616.000	0	0
Công ty TNHH nền móng công trình Thanh Hà	6.220.000	4.354.000	0	0
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng nền móng Chương Dương	0	0	193.800.000	135.660.000
Các đối tượng khác	842.273.205	589.591.244	928.717.103	650.101.972

**Cộng**

<b>3.879.161.104</b>	<b>950.526.902</b>	<b>3.468.080.486</b>	<b>803.780.473</b>
----------------------	--------------------	----------------------	--------------------

**3. Trả trước cho người bán**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty CP tư vấn xây dựng công trình vật liệu xây dựng	114.000.000	114.000.000	114.000.000	114.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư và Môi trường VINAGREEN	43.479.300	43.479.300	43.479.300	43.479.300
Công ty CP Dịch vụ và tư vấn Đầu tư Hoàng Gia	240.000.000	0	0	0
Các đối tượng khác	5.774.350	5.755.000	5.755.000	5.755.000
<b>Cộng</b>	<b>403.253.650</b>	<b>163.234.300</b>	<b>163.234.300</b>	<b>163.234.300</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

4. Phải thu về cho vay	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>1.250.000.000</b>	<b>0</b>	<b>1.450.000.000</b>	<b>0</b>
Công ty Cổ phần 873 - Xây dựng công trình giao thông	1.250.000.000	0	1.450.000.000	0
<b>Cộng</b>	<b>1.250.000.000</b>	<b>0</b>	<b>1.450.000.000</b>	<b>0</b>
<b>b. Phải thu về cho vay là các bên liên quan</b>				
Công ty Cổ phần 873 - Xây dựng công trình giao thông	1.250.000.000	0	1.450.000.000	0
<b>Cộng</b>	<b>1.250.000.000</b>	<b>0</b>	<b>1.450.000.000</b>	<b>0</b>

Cho vay ngắn hạn cho Công ty Cổ phần 873 - Xây dựng công trình giao thông theo hợp đồng số 613/2018/HĐKT ngày 06/12/2018 và Phụ lục hợp đồng ngày 08/3/2019, lãi suất 0%/năm/số tiền dư nợ gốc vay, ngày đáo hạn là 08/3/2021.

Hợp đồng tín dụng không tự động gia hạn. Cho vay không có tài sản đảm bảo.

**5. Phải thu khác**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>513.490.240</b>	<b>0</b>	<b>475.197.091</b>	<b>0</b>
Tạm ứng	66.820.000	0	46.026.150	0
Phải thu ông Nguyễn Xuân An	51.059.000	0	429.170.941	0
Phải thu về thuế TNCN	1.350.000	0	0	0
Công ty TNHH in vải Đăng Quang	394.261.240	0	0	0
<b>Cộng</b>	<b>513.490.240</b>	<b>0</b>	<b>475.197.091</b>	<b>0</b>

**6. Tài sản thiếu chờ xử lý**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tài sản thiếu chờ xử lý	64.146.130	0	268.639.629	0
<b>Cộng</b>	<b>64.146.130</b>	<b>0</b>	<b>268.639.629</b>	<b>0</b>

Khoản tài sản thiếu chờ xử lý:

Tài sản thiếu chờ xử lý cuối kỳ số tiền 64.146.130 đồng là số chênh lệch nhỏ hơn của số lượng kiểm đếm thực tế nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, thành phẩm và hàng hóa với số lượng trên sổ kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019. Tại ngày lập báo cáo tài chính năm 2019, do chưa có kết luận cuối cùng về nguyên nhân chênh lệch, Công ty ghi nhận giá trị ghi sổ của lượng hàng tồn kho chênh lệch này tại khoản mục tài sản thiếu chờ xử lý.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**7. Hàng tồn kho**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.515.596.355	0	2.244.881.075	0
Công cụ dụng cụ	2.083.645.940	0	2.232.716.935	0
Thành phẩm	6.253.485.274	809.023.638	7.244.427.365	831.628.803
Hàng hóa	244.437.911		524.178.107	0
<b>Cộng</b>	<b>10.097.165.480</b>	<b>809.023.638</b>	<b>12.246.203.482</b>	<b>831.628.803</b>

**8. Chi phí trả trước**

	31/12/2019	01/01/2019
<b>a. Chi phí trả trước ngắn hạn</b>	<b>0</b>	<b>75.002.512</b>
Các khoản khác	0	75.002.512
<b>b. Chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>2.325.966.302</b>	<b>3.566.427.629</b>
Chi phí dự án CaCO <sub>3</sub> miền Trung	237.909.111	237.909.111
Lợi thế quyền thuê đất	2.061.851.850	3.328.518.518
Các khoản khác	26.205.341	0
<b>Cộng</b>	<b>2.325.966.302</b>	<b>3.641.430.141</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA PHẨM DẦU KHÍ DMC - MIỀN BẮC

Mẫu số B 09 - DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

9a. Thuyết minh TSCĐ

Khoản mục	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư 01/01/2019	21.862.147.125	7.189.021.728	6.635.864.307	1.253.633.864	36.940.667.024
Mua sắm mới	0	0	0	68.000.000	68.000.000
Số dư 31/12/2019	21.862.147.125	7.189.021.728	6.635.864.307	1.321.633.864	37.008.667.024
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư 01/01/2019	21.418.362.974	7.189.021.728	5.091.067.693	1.137.815.643	34.836.268.038
Trích khấu hao trong năm	258.023.513	0	383.718.664	98.999.359	740.741.536
Số dư 31/12/2019	21.676.386.487	7.189.021.728	5.474.786.357	1.236.815.002	35.577.009.574
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Số dư 01/01/2019	443.784.151	0	1.544.796.614	115.818.221	2.104.398.986
Số dư 31/12/2019	185.760.638	0	1.161.077.950	84.818.862	1.431.657.450

\* Giá trị còn lại của TSCĐHH đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 0 đồng.

\* Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 28.344.168.272 đồng.

\* Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm chờ thanh lý: 0 đồng.

\* Các cam kết về việc mua, bán tài sản cố định hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: không có.

\* Các thay đổi khác về Tài sản cố định hữu hình: không có.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**9b. Tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Phần mềm kế toán	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư đầu năm	148.984.800	148.984.800
Số dư cuối năm	148.984.800	148.984.800
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư đầu năm	143.234.819	143.234.819
<i>Khấu hao trong năm</i>	5.749.981	5.749.981
Số dư cuối năm	148.984.800	148.984.800
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số dư đầu năm	5.749.981	5.749.981
Số dư cuối năm	0	0

\* Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 148.984.800 đồng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

10. Phải trả người bán	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>1.702.846.909</b>	<b>1.702.846.909</b>	<b>1.296.051.283</b>	<b>1.296.051.283</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Khai thác Barite Bắc Kạn	499.328.354	499.328.354	499.328.354	499.328.354
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Nam	0	0	267.300.000	267.300.000
Doanh nghiệp tư nhân Hùng Ngọc	242.305.760	242.305.760	119.999.880	119.999.880
Công ty Cổ phần Nhựa Bắc Giang	210.371.700	210.371.700	43.012.200	43.012.200
Phải trả đối tượng khác	750.841.095	750.841.095	366.410.849	366.410.849
<b>Cộng</b>	<b>1.702.846.909</b>	<b>1.702.846.909</b>	<b>1.296.051.283</b>	<b>1.296.051.283</b>
<b>11. Người mua trả tiền trước</b>			<b>31/12/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
<b>a. Ngắn hạn</b>			<b>47.018.580</b>	<b>125.545.140</b>
Công ty TNHH in vải Đăng Quang			33.273.548	1.567.108
Khách lẻ chưa chi tiết đối tượng			0	0
Công ty TNHH Công nghệ Y Tế Bình Minh			1.069.900	114.897.900
Các khách hàng khác			12.675.132	9.080.132
<b>Cộng</b>			<b>47.018.580</b>	<b>125.545.140</b>
<b>12. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước</b>				
	<b>01/01/2019</b>	<b>Số phải nộp trong năm</b>	<b>Số đã thực nộp trong năm</b>	<b>31/12/2019</b>
<b>a. Phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	0	1.429.397.613	1.422.417.185	6.980.428
Thuế môn bài	0	3.000.000	3.000.000	0
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	122.400	4.175.300	1.906.960	2.390.740
<b>Cộng</b>	<b>122.400</b>	<b>1.436.572.913</b>	<b>1.427.324.145</b>	<b>9.371.168</b>
<b>b. Phải thu</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	111.873.614	0	0	111.873.614
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	0	9.271.477.403	1.557.328.749	7.714.148.654
Thuế nhà đất	0	494.230.347	94.385.196	399.845.151
Tiền thuê đất	0	8.777.247.056	1.462.943.553	7.314.303.503
<b>Cộng</b>	<b>111.873.614</b>	<b>9.271.477.403</b>	<b>1.557.328.749</b>	<b>7.826.022.268</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
<b>13. Chi phí phải trả</b>		
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>263.007.851</b>	<b>451.947.474</b>
Phải trả về chi phí bán hàng	263.007.851	451.947.474
<b>Cộng</b>	<b>263.007.851</b>	<b>451.947.474</b>
<b>14. Phải trả khác</b>	<b>31/12/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Tài sản thừa chờ xử lý (*)	29.579.392	219.158.685
Kinh phí công đoàn	96.232.888	43.751.403
Bảo hiểm xã hội	288.815.853	122.946.109
Bảo hiểm y tế	16.888.853	0
Bảo hiểm thất nghiệp	9.289.002	0
Phải trả công ty Cổ phần 873 - Xây dựng công trình giao thông	8.715.000.000	0
Phải trả về mượn tiền cá nhân	585.000.000	0
<i>Phạm Anh Tuấn</i>	200.000.000	0
<i>Đào Đình Quyền</i>	385.000.000	0
Phải trả về tiền chuyển nhầm tài khoản	50.000.000	0
Phải trả Tổng công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí-CTCP	1.214.354.040	2.179.000.000
<b>Cộng</b>	<b>11.005.160.028</b>	<b>2.564.856.197</b>
<p>(*) Đây là số chênh lệch lớn hơn của số lượng kiểm đếm thực tế nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, thành phẩm và hàng hóa với số lượng trên sổ kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019. Tại ngày lập báo cáo tài chính năm 2019, do chưa có kết luận cuối cùng về nguyên nhân chênh lệch, Công ty ghi nhận giá trị ghi sổ của lượng hàng tồn kho chênh lệch này tại khoản mục tài sản thừa chờ xử lý.</p>		
<b>d. Phải trả khác là các bên liên quan</b>		
Công ty Cổ phần 873 - Xây dựng công trình giao thông	8.715.000.000	0
Phạm Anh Tuấn	200.000.000	0
<b>Cộng</b>	<b>8.915.000.000</b>	<b>0</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**15. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	39.245.500.000	1.502.539.510	(13.246.266.878)	27.501.772.632
Lỗ trong năm	0	0	(8.489.957.713)	(8.489.957.713)
Số dư cuối năm trước	39.245.500.000	1.502.539.510	(21.736.224.591)	19.011.814.919
Số dư đầu năm nay	39.245.500.000	1.502.539.510	(21.736.224.591)	19.011.814.919
Lợi nhuận trong năm	0	0	(7.706.400.683)	(7.706.400.683)
Số dư cuối năm nay	39.245.500.000	1.502.539.510	(29.442.625.274)	11.305.414.236

**b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Theo giấy chứng nhận ĐKKD	31/12/2019	01/01/2019
Công ty Cổ phần 873 - Xây dựng công trình giao thông	33.884.000.000	33.245.000.000	33.245.000.000
Vốn góp của các nhà đầu tư khác	6.116.000.000	6.000.500.000	6.000.500.000
<b>Cộng</b>	<b>40.000.000.000</b>	<b>39.245.500.000</b>	<b>39.245.500.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2019	Năm 2018
Vốn góp của chủ sở hữu	39.245.500.000	39.245.500.000
Vốn góp đầu năm	39.245.500.000	39.245.500.000
Vốn góp cuối năm	39.245.500.000	39.245.500.000
Lợi nhuận đã chia	0	0

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh sửa đổi lần thứ 11 ngày 30 tháng 07 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, tổng số vốn điều lệ của Công ty là 40 tỷ đồng tương đương với 4.000.000 cổ phiếu, mệnh giá mỗi cổ phiếu là 10.000 đồng.

**đ. Cổ phiếu**

	31/12/2019	01/01/2019
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.924.550	3.924.550
Cổ phiếu phổ thông	3.924.550	3.924.550
Cổ phiếu ưu đãi	0	0
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.924.550	3.924.550
Cổ phiếu phổ thông	3.924.550	3.924.550
Cổ phiếu ưu đãi	0	0
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.	10.000	10.000

**e. Các quỹ của doanh nghiệp**

	31/12/2019	01/01/2019
Quỹ đầu tư phát triển	1.502.539.510	1.502.539.510
<b>Cộng</b>	<b>1.502.539.510</b>	<b>1.502.539.510</b>

\* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**16. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

Ngoại tệ các loại	31/12/2019		01/01/2019	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
USD	704,98	16.288.563	5.871,00	130.909.866
<b>Cộng</b>	<b>704,98</b>	<b>16.288.563</b>	<b>5.871,00</b>	<b>130.909.866</b>

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

	Năm 2019	Năm 2018
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
<b>a. Doanh thu</b>		
Doanh thu bán hàng	5.207.026.751	23.000.406.628
Doanh thu cung cấp dịch vụ	9.046.465.340	2.468.101.911
<b>Cộng</b>	<b>14.253.492.091</b>	<b>25.468.508.539</b>
<b>b. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
Giảm giá hàng bán	0	33.489.520
<b>Cộng</b>	<b>0</b>	<b>33.489.520</b>
<b>2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu bán hàng	5.207.026.751	23.000.406.628
Doanh thu cung cấp dịch vụ	9.046.465.340	2.434.612.391
<b>Cộng</b>	<b>14.253.492.091</b>	<b>25.435.019.019</b>
<b>3. Giá vốn hàng bán</b>		
Giá vốn thành phẩm	4.777.941.051	17.851.922.508
Giá vốn hàng hóa	837.748.981	7.086.391.243
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	8.327.829.481	746.101.476
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(22.605.165)	(324.191.716)
<b>Cộng</b>	<b>13.920.914.348</b>	<b>25.360.223.511</b>
<b>4. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
Lãi tiền gửi, doanh thu tài chính khác	5.378.344	38.315.777
Lãi đánh giá tỷ giá cuối kỳ	301.841	0
<b>Cộng</b>	<b>5.680.185</b>	<b>38.315.777</b>
<b>5. Chi phí tài chính</b>		
Chi phí tài chính khác	0	525.117
<b>Cộng</b>	<b>0</b>	<b>525.117</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Năm 2019	Năm 2018
<b>6. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
<b>a. Chi phí bán hàng</b>		
Chi phí nhân công	496.667.097	724.274.248
Cước vận chuyển, bốc xếp hàng hóa	362.244.234	1.942.773.728
Các khoản chi phí bán hàng khác	99.533.000	470.153.007
<b>Cộng</b>	<b>958.444.331</b>	<b>3.137.200.983</b>
<b>b. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí nhân viên	2.237.380.724	3.710.685.499
Chi phí dịch vụ mua ngoài và khác bằng tiền	3.666.523.700	1.090.532.850
<i>Thuế phí và lệ phí</i>	<i>2.884.530.181</i>	
Trích lập dự phòng	264.334.189	
Chi phí khác	545.732.533	653.820.379
<i>Chi phí khấu hao</i>	<i>386.711.460</i>	
<b>Cộng</b>	<b>6.713.971.146</b>	<b>5.455.038.728</b>
<b>7. a. Thu nhập khác</b>	<b>Năm 2019</b>	<b>Năm 2018</b>
Thu tiền bốc xếp hàng	4.310.000	0
Thu khác	2.000.000	495.830
<b>Cộng</b>	<b>6.310.000</b>	<b>495.830</b>
<b>7. b. Chi phí khác</b>	<b>Năm 2019</b>	<b>Năm 2018</b>
Lãi chậm trả bảo hiểm	10.979.633	0
Phạt vi phạm về giấy phép xây dựng	40.000.000	0
Xử lý công nợ đọng tồn lâu	149.284.141	0
Hàng hóa kiểm kê thiếu trong năm đã xử lý	122.100.000	0
Thuế TNCN không thu hồi được	600.000	0
Các khoản khác	55.589.360	10.800.000
<b>Cộng</b>	<b>378.553.134</b>	<b>10.800.000</b>
<b>8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố</b>	<b>Năm 2019</b>	<b>Năm 2018</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	10.056.910.994	8.087.102.756
Chi phí nhân công	3.757.326.636	10.310.025.562
Chi phí khấu hao tài sản cố định	746.491.517	909.048.852
Chi phí dịch vụ mua ngoài	863.806.076	3.232.589.843
Chi phí khác bằng tiền	3.625.931.858	3.073.182.623
<b>Cộng</b>	<b>19.050.467.081</b>	<b>25.611.949.636</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Năm 2019	Năm 2018
<b>9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
Lỗ trước thuế	<b>(7.706.400.683)</b>	(8.489.957.713)
Các khoản điều chỉnh tăng	388.553.134	0
Lãi chậm nộp bảo hiểm	10.979.633	0
Phạt vi phạm về giấy phép xây dựng	40.000.000	
Xử lý công nợ đọng tồn lâu	149.284.141	
Hàng hóa kiểm kê thiếu trong năm đã xử lý	122.100.000	
Thuế TNCN không thu hồi được	600.000	
Hoa hồng môi giới	10.000.000	
Các khoản chi phí không được trừ	55.589.360	0
Các khoản điều chỉnh giảm	301.841	
Lãi chênh lệch tỷ giá	301.841	
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>(7.318.149.390)</b>	<b>(8.489.957.713)</b>
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	0	0
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>Năm 2019</b>	<b>Năm 2018</b>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	<b>(7.706.400.683)</b>	<b>(8.489.957.713)</b>
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm	0	0
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	<b>(7.706.400.683)</b>	<b>(8.489.957.713)</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	3.924.550	3.924.550
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(1.964)</b>	<b>(2.163)</b>
<b>11. Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>Năm 2019</b>	<b>Năm 2018</b>
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(7.706.400.683)	(8.489.957.713)
<b>Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm</b>	<b>(7.706.400.683)</b>	<b>(8.489.957.713)</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	3.924.550	3.924.550
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm sau khi đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm</b>	<b>3.924.550</b>	<b>3.924.550</b>
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>(1.964)</b>	<b>(2.163)</b>

**12. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính**

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản  
Ban Tổng Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

**12.1 Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2018.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**12.1 Rủi ro thị trường (tiếp theo)**

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2018.

**Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi-suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

**Độ nhạy đối với lãi suất**

Độ nhạy của các (khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn) của Công ty đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các (khoản vay) với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty như sau:

	Tăng/ giảm điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế
<b>Năm nay</b>		
Đồng	+100	2.487.889
Đồng	(100)	2.487.889
<b>Năm trước</b>		
Đồng	+100	6.846.629
Đồng	(100)	6.846.629

Mức tăng/ giảm điểm cơ bản sử dụng để phân tích độ nhạy đối với lãi suất được giả định dựa trên các điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại. Các điều kiện này cho thấy mức biến động cao hơn không đáng kể so với các kỳ trước.

**Rủi ro ngoại tệ**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của công ty bằng các đơn vị tiền tệ khác Đồng Việt Nam.

**Độ nhạy đối với ngoại tệ**

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ vì rủi ro do thay đổi ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính là không đáng kể

**12.2 Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**12.2 Rủi ro tín dụng (tiếp theo)****Phải thu khách hàng**

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt công ty thường xuyên theo dõi chặt chẽ nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

**Tiền gửi ngân hàng**

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

**12.3 Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

Ngày 31 tháng 12 năm 2019	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Phải trả người bán	1.702.846.909	0	1.702.846.909
Phải trả khác	9.979.354.040	0	9.979.354.040
Chi phí phải trả	263.007.851	0	263.007.851
<b>Cộng</b>	<b>11.682.200.949</b>	<b>0</b>	<b>11.945.208.800</b>
Ngày 31 tháng 12 năm 2018			
Phải trả người bán	1.296.051.283	0	1.296.051.283
Phải trả khác	2.179.000.000	0	2.179.000.000
Chi phí phải trả	451.947.474	0	451.947.474
<b>Cộng</b>	<b>3.475.051.283</b>	<b>0</b>	<b>3.926.998.757</b>

Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

**13. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính**

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán và các công cụ nợ tài chính niêm yết được xác định theo giá trị thị trường.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**13. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính (tiếp theo)**

Đối với các khoản đầu tư chứng khoán chưa niêm yết nhưng có giao dịch thường xuyên thì giá trị hợp lý được xác định là giá bình quân cung cấp bởi ba công ty chứng khoán độc lập tại ngày kết thúc năm tài chính.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính này được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

Ngoại trừ các khoản đề cập ở trên, giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính dài hạn chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và 31 tháng 12 năm 2018. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc năm tài chính.

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

	Giá trị ghi sổ					
	31/12/2019		31/12/2018		31/12/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Giá trị
<b>Tài sản tài chính</b>						
- Tiền và các khoản tương đương tiền	248.788.945	0	684.662.939	0	248.788.945	684.662.939
- Phải thu khách hàng	4.200.553.164	2.765.399.902	5.578.912.027	2.501.065.713	1.435.153.262	3.077.846.314
- Phải thu về cho vay	1.250.000.000	0	1.450.000.000	0	1.250.000.000	1.450.000.000
- Phải thu khác	445.320.240	0	429.170.941	0	445.320.240	429.170.941
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>6.144.662.349</b>	<b>2.765.399.902</b>	<b>8.142.745.907</b>	<b>2.501.065.713</b>	<b>3.379.262.447</b>	<b>5.641.680.194</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>						
- Phải trả người bán	1.702.846.909	0	1.296.051.283	0	1.702.846.909	1.296.051.283
- Phải trả khác	9.979.354.040	0	2.179.000.000	0	9.979.354.040	2.179.000.000
- Chi phí phải trả	263.007.851	0	451.947.474	0	263.007.851	451.947.474
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>11.945.208.800</b>	<b>0</b>	<b>3.926.998.757</b>	<b>0</b>	<b>11.945.208.800</b>	<b>3.926.998.757</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****1. Các khoản giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai.**

- Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính: không phát sinh.
- Trình bày giá trị và lý do của các khoản tiền và tương đương tiền lớn do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng do có sự hạn chế của pháp luật hoặc các ràng buộc khác mà doanh nghiệp phải thực hiện: không

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các Báo cáo tài chính.

**2. Giao dịch với các bên liên quan**

Các giao dịch trọng yếu và số dư với các bên liên quan trong năm như sau:

***Danh sách các bên liên quan*****Mối quan hệ**

Công ty cổ phần 873 - Xây dựng công trình giao thông  
Phạm Anh Tuấn

Công ty mẹ  
Tổng Giám đốc

**Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:**

	<b>31/12/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
<b><i>Phải trả ngắn hạn khác</i></b>	<b>8.915.000.000</b>	<b>0</b>
Công ty Cổ phần 873 - Xây dựng công trình giao thông	8.715.000.000	0
Phạm Anh Tuấn	200.000.000	0
<b><i>Phải thu về cho vay</i></b>	<b>1.250.000.000</b>	<b>1.450.000.000</b>
Công ty Cổ phần 873 - Xây dựng công trình giao thông	1.250.000.000	1.450.000.000

**Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:**

	<b>Năm 2019</b>	<b>Năm 2018</b>
<b><i>Bán hàng và cung cấp dịch vụ</i></b>	<b>7.996.713.000</b>	<b>0</b>
Công ty Cổ phần 873 - Xây dựng công trình giao thông	7.996.713.000	0
<b><i>Chuyển tiền nội bộ</i></b>	<b>8.715.000.000</b>	<b>1.450.000.000</b>
Công ty Cổ phần 873 - Xây dựng công trình giao thông	8.715.000.000	1.450.000.000
Phạm Anh Tuấn	200.000.000	0

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

+ Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	Năm 2019	Năm 2018
Lương và thưởng	382.582.182	648.533.616
Cộng	<b>382.582.182</b>	<b>648.533.616</b>

**3. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh tại ngày 01/01/2019 trên Bảng cân đối kế toán và số liệu so sánh năm 2018 trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Lưu chuyển tiền tệ được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.

**4. Thông tin về hoạt động liên tục**

Tại ngày 31/12/2019, Công ty bị lỗ lũy kế là 29.439.439.507 đồng (số lỗ lũy kế tại 31/12/2018 là 21.736.224.591 đồng và Công ty lỗ lũy kế 4 năm liên tiếp. Yếu tố này dẫn tới nghi ngờ về khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty. Ban Tổng Giám đốc đánh giá một cách thận trọng kế hoạch sản xuất kinh doanh và khả năng thu hồi công nợ trong năm tiếp theo. Ngoài ra, Công ty Cổ phần 873 - Xây dựng công trình giao thông, công ty mẹ của Công ty khẳng định sẽ tiếp tục hỗ trợ tài chính cho hoạt động kinh doanh thông qua bổ sung vốn cần thiết cho đến khi Công ty có khả năng tạo đủ nguồn tiền phục vụ cho hoạt động kinh doanh và cho phép Công ty tiếp tục hoạt động liên tục và đáp ứng các nghĩa vụ khi đến hạn thanh toán. Do đó ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng báo cáo tài chính được trình bày trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Thị Thanh Thủy

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Đào Đình Quyền

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2020

TỔNG GIÁM ĐỐC



Phạm Anh Tuấn